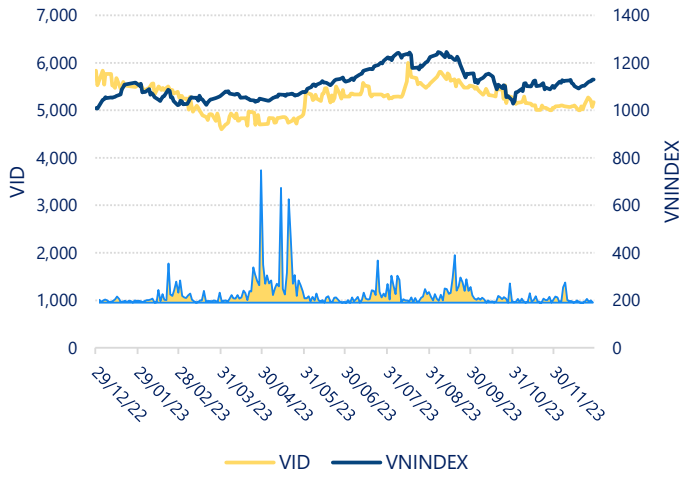
CTCP Đầu tư Phát triển thương mại Viễn Đông (HSX: VID)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

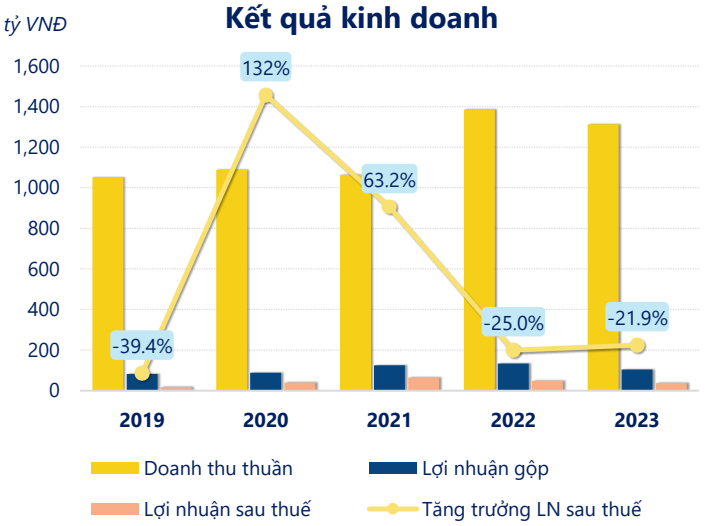
Ngày 29/12/2023	5,170 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.6%	-5.0%	-3.1%

Lịch sử giá



	2023	YoY
DT thuần	1,312 tỷ VNĐ	▼ 75.0 ▼ 5.4%
LN gộp	104 tỷ VNĐ	▼ 30.0 ▼ 22.1%
LN thuần	39.8 tỷ VNĐ	▼ 19.0 ▼ 32.2%
LN sau thuế	38.1 tỷ VNĐ	▼ 10.7 ▼ 21.9%

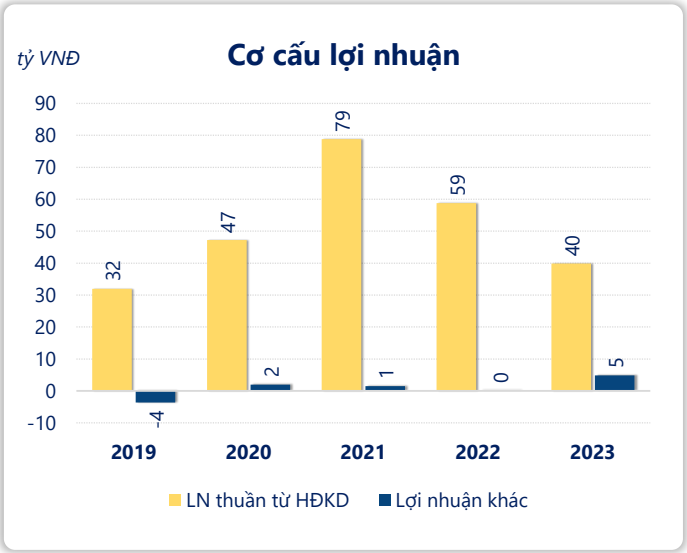
Kết quả kinh doanh

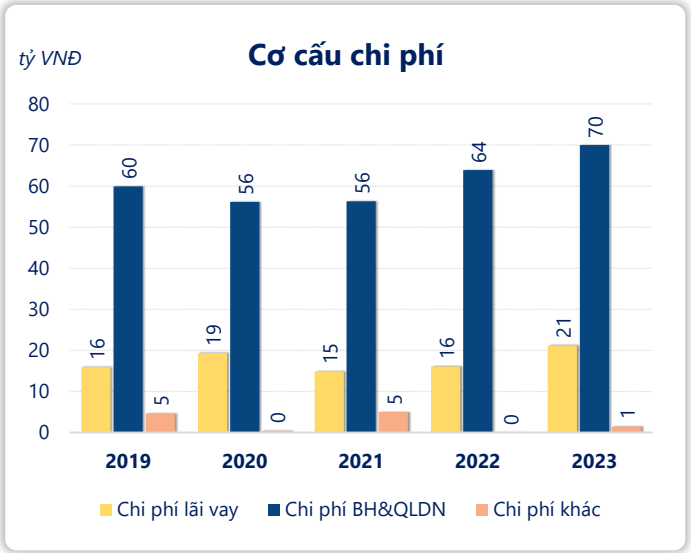


	2023	+/- YoY
ROE	3.5%	▼ 1.1%
ROA	1.7%	▼ 0.5%

Năm **2023**, **VID** ghi nhận doanh thu thuần **1,312** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **38.08** tỷ đồng, lần lượt **giảm 5.37%** và **giảm 21.9%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **3.45%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

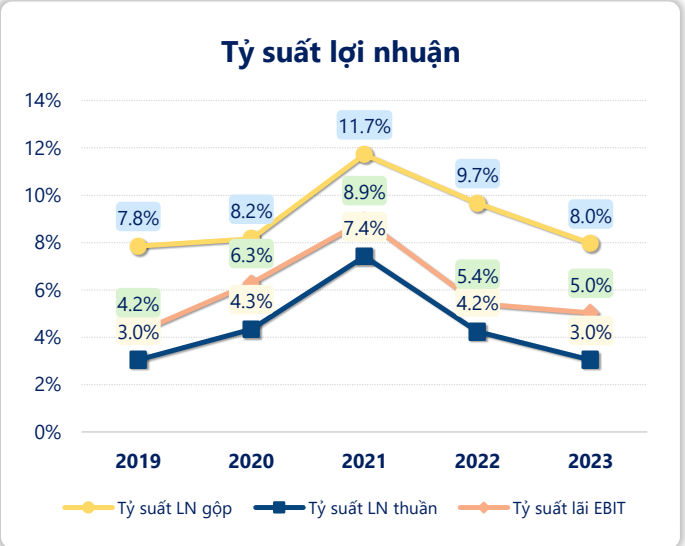


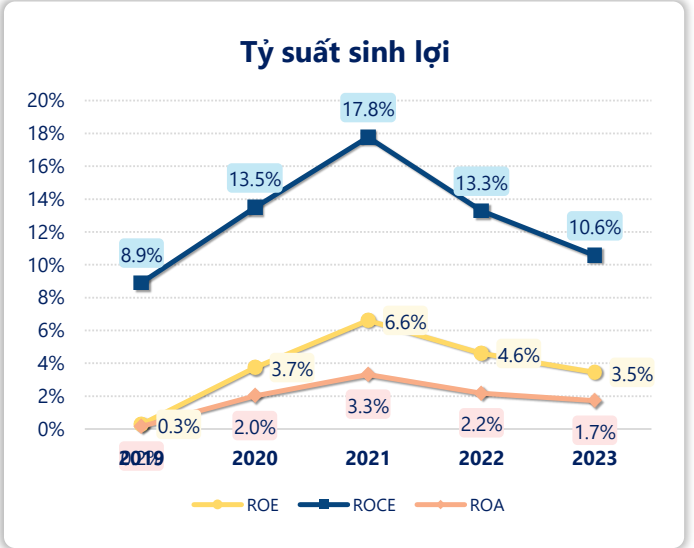


Năm **2023**, **VID** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **39.84** tỷ đồng, **giảm đi 18.94** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (51.33 tỷ đồng) là 11.49 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

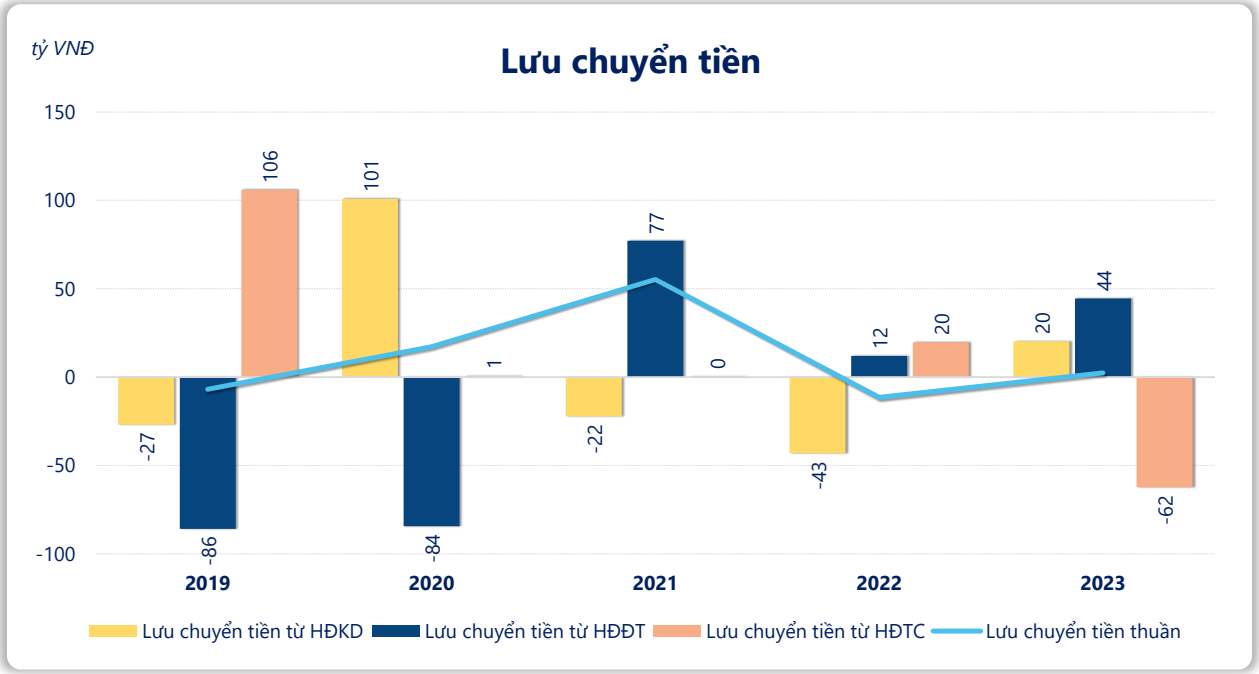
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **21.23** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **69.99** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.40** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VID năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **3.45%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**1,053**	**1,089**	**1,064**	**1,387**	**1,312**
Giá vốn hàng bán	970	1,000	939	1,253	1,208
Lợi nhuận gộp	**82.6**	**88.8**	**125**	**134**	**104**
Doanh thu HĐTC	16.1	21.6	25.8	25.8	18.3
Chi phí TC	15.6	12.2	17.5	38.1	30.1
Chi phí lãi vay	**15.9**	**19.3**	**14.8**	**16.1**	**21.2**
LN trong công ty LKLD	8.83	5.09	2.12	1.01	17.3
Chi phí bán hàng	11.8	12.1	16.0	24.9	32.8
Chi phí QLDN	48.2	44.0	40.3	39.0	37.2
LN thuần từ HĐKD	**32.0**	**47.2**	**78.8**	**58.8**	**39.8**
Lợi nhuận khác	-3.63	1.91	1.48	0.21	4.88
LN trước thuế	**28.4**	**49.1**	**80.3**	**59.0**	**44.7**
Lợi nhuận sau thuế	**17.2**	**39.8**	**65.0**	**48.8**	**38.1**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.36**	**18.7**	**35.1**	**26.0**	**21.3**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của VID bằng **2.33** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2022 (-11.46 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **20.25** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **44.44** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-62.36** tỷ đồng.